

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29-8-2022

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tô Thị Lành và ông Trần Văn Tư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 314/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022 về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị Ngọc H, sinh năm 1977; địa chỉ: 36 đường L, tổ 5, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Xuân K, sinh năm 1975; địa chỉ: 36 đường L, tổ 5, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Ông K vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn là bà Đặng Thị Ngọc H trình bày:

Bà và ông Bùi Xuân K tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 22-8-2000.

Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông K diễn ra tốt đẹp, hạnh phúc. Sau đó, bà và ông K phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà và ông K có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hoà, tình cảm vợ chồng ngày càng mất dần, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể hàn gắn được. Đến nay, bà và ông K không còn tình cảm, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và không đạt được mục đích hôn nhân. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K.

Bà và ông K có ba con chung là cháu Bùi Thị Tuyết V, sinh ngày 01-3-2002; cháu Bùi Thị Bích N, sinh ngày 04-7-2006 và cháu Bùi Xuân T, sinh ngày 27-11-2009. Cháu V đã thành niên và có khả năng tự lập nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N và cháu T và không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng cho con.

Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung.

2. Toà án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là ông Bùi Xuân K. Tuy nhiên, ông Bùi Xuân K không đến Toà án để tham gia tố tụng. Do vậy, ông Bùi Xuân K không có lời khai tại hồ sơ vụ án và cũng không có lời khai tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H; bà H được ly hôn ông K; giao cháu N và cháu T cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quyền khởi kiện: Bà Đặng Thị Ngọc H làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai giải quyết ly hôn với ông Bùi Xuân K và tranh chấp về nuôi con. Về nội dung và hình thức đơn khởi kiện của bà Đặng Thị Ngọc H đúng quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Tòa án thụ lý.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Bùi Xuân K cư trú tại thành phố P nên Tòa án nhân dân thành phố P có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về thủ tục lựa chọn hòa giải và lựa chọn Hòa giải viên: Theo Biên bản ghi nhận ý kiến của người khởi kiện về việc lựa chọn hòa giải, lựa chọn Hòa giải viên ngày 09-5-2022, bà Đặng Thị Ngọc H không đồng ý lựa chọn hòa giải và lựa chọn Hòa giải viên. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Nguyên đơn là bà Đặng Thị Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn là ông Bùi Xuân K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để ông Bùi Xuân K tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Đặng Thị Ngọc H và ông Bùi Xuân K đăng ký kết hôn ngày 22-8-2000 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, bà H và ông K phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hoà, tình cảm vợ chồng ngày càng mất dần, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể hàn gắn được. Đến nay, bà H không còn tình cảm với ông K, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và không đạt được mục đích hôn nhân. Vì vậy, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông K đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các thủ tục để ông K tham gia tố tụng, trình bày ý kiến của mình về việc bà H xin ly hôn nhưng ông K đều vắng mặt chứng tỏ ông không quan tâm đến việc có cần tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân của vợ chồng hay không.

Chính vì vậy, đã có đủ cơ sở để nhận định rằng, tình trạng hôn nhân của họ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, quan hệ vợ chồng đã thực sự không thể hàn gắn được nữa, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được nên yêu cầu của bà H về việc ly hôn ông K là có căn cứ, được chấp nhận.

[2.2] Về con: Bà H và ông K có ba con chung là cháu Bùi Thị Tuyết V, sinh ngày 01-3-2002; cháu Bùi Thị Bích N, sinh ngày 04-7-2006 và cháu Bùi Xuân T, sinh ngày 27-11-2009.

Cháu V đã thành niên và có khả năng tự lập nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, từ nhỏ cho đến nay cháu N và cháu T ở với bà H, được chăm sóc, nuôi dạy chu đáo, bà H có công việc và thu nhập ổn định nên đủ khả năng, điều kiện để nuôi dưỡng các con, đảm bảo được cuộc sống và sự phát triển bình thường về mọi mặt cho các con; đồng thời, cháu N và cháu T cũng có nguyện vọng được ở với bà H; nguyện vọng của bà H và các cháu là chính đáng, đúng pháp luật, đảm bảo quyền lợi của các con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu N và cháu T cho bà H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Bà H không yêu cầu ông K cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Bà H là nguyên đơn xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Ngọc H.

1.1. Về hôn nhân: Bà Đặng Thị Ngọc H được ly hôn ông Bùi Xuân K.

1.2. Về con: Giao cháu Bùi Thị Bích N và cháu Bùi Xuân T cho bà Đặng Thị Ngọc H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con.

2. Về án phí:

Bà Đặng Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0001672 ngày 10-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai; bà Đặng Thị Ngọc H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án sơ thẩm được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Các đương sự;
- UBND phường T, thành phố P
(GCNKH số 55, quyền số 01/2000,
đăng ký ngày 22-8-2000);
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thị Thanh Huyền